



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Số 244 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

NỘI DUNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Lĩnh vực hoạt động
- 3 Lịch sử hình thành và phát triển
- 4 Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu
- 5 Sơ đồ tổ chức
- 6 Mục tiêu và định hướng tương lai
- 7 Rủi ro trong hoạt động kinh doanh



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 8 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 9 Tổ chức nhân sự
- 10 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 11 Tình hình tài chính
- 12 Thông tin cổ đông

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 13 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- 14 Tình hình tài chính
- 15 Những tiến bộ trong năm 2025
- 16 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
- 17 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 18 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- 19 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc
- 20 Kế hoạch và định hướng của HĐQT

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 21 Hội đồng quản trị
- 22 Ban kiểm soát
- 23 Thù lao, lợi ích và các giao dịch của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban kiểm soát.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
NĂM 2025

I/ THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
Tên viết tắt:	SEAMECO
Tên Tiếng Anh:	Seaproducts Mechanical Shareholding Company
Giấy chứng nhận ĐKKD số:	0302166033 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 12/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11/02/2025.
Vốn điều lệ:	42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng)
Logo:	
Địa chỉ:	244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận, Tp. HCM
Số điện thoại:	(84-028) 3 8 729 751
Số fax:	(84-028) 3 8 729 749
Website:	http://www.seameco.com.vn
Email:	seameco@seameco.com.vn
Mã cổ phiếu:	SCO

*** Quá trình hình thành và phát triển :**



Năm 1987	Ngày 05/11/1987, chính thức thành lập Công ty Cơ khí Thủy sản III.	Năm 2007	Công ty chuyển thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản với vốn điều lệ là 22 tỷ đồng.
Năm 1990	Ứng dụng công nghệ đóng tàu bằng vật liệu composite vào sản xuất.	Năm 2008	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 22 tỷ tăng lên 33 tỷ đồng.
Năm 1992	Khởi công xây dựng khu vực sản xuất tại Q7 – Tp.HCM.	Năm 2009	Công ty CP Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 33 tỷ tăng lên 42 tỷ đồng.
Năm 1993	Thành lập lại doanh nghiệp nhà nước Cty Cơ khí Thủy sản III.	Năm 2010	
Năm 1997	Đưa cầu cảng C1 vào hoạt động.	Năm 2011	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản thay đổi trụ sở chính của công ty từ 30 Hàm Nghi, P. Bến Nghé, Q.1 sang 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

			Minh.
Năm 2000	Đổi tên thành Công ty Cơ khí Thủy sản, trực thuộc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông.	Năm 2012 -	Công ty tập trung sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy nhân sự.
Năm 2001	Nghiên cứu và chế tạo thành công khuôn thép tháo rời cho đóng tàu composite.	Năm 2014	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản thay đổi trụ sở chính của công ty từ 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1 sang địa chỉ: Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.
Năm 2002	Đổi tên thành Công ty Công nghiệp Thủy sản	Năm 2015	Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính Phủ đã tạo những cơ hội mới cho Công ty. Lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền chủ lực của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực. Công ty đã ký được 11 hợp đồng đóng mới trong đó có 10 hợp đồng kinh tế với ngư dân.
Năm 2003	Hạ thủy tàu đánh bắt xa bờ dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại Việt Nam.	Năm 2016	Là năm thành công của Công ty về ngành công nghiệp đóng tàu so với 10 năm trước. Trong năm Công ty đã bàn giao hạ thủy 18 tàu cá cho ngư dân, trong đó có 01 tàu dịch vụ hậu cần nghề cá.
Năm 2005 -	Hạ thủy tàu y tế dài 30m, con tàu dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại Việt Nam; đưa cầu cảng C2 vào hoạt động.	Năm 2017	Công ty tiếp tục thực hiện mới đóng tàu theo chương trình Nghị định 67/2017/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ. Đóng mới bàn giao hạ thủy 05 chiếc tàu vỏ sắt, trong đó 04 chiếc tàu đánh cá của ngư dân theo NĐ 67/NĐ-CP.
		Năm 2018	Năm 2018, hoạt động đóng mới tàu gàn như dừng hẳn vì chương trình đóng mới tàu đánh cá vỏ thép theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ được thay thế bằng Nghị định 17/NĐ-CP ngày 02/02/2018, với các nội dung và cách thức làm mới chưa phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty.
Năm 2019	Năm 2019, Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong hoạt động đóng sửa tàu đây là ngành nghề chính sản xuất của Công ty. Bên cạnh đó Công ty tập trung đẩy	Năm 2020 -	Năm 2020 và năm 2021, ngoài những khó khăn nội tại, Công ty còn chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 kéo dài .. ảnh hưởng mạnh đến tất cả các lĩnh vực kinh doanh Công ty nhất là lĩnh
		Năm 2021	

	<p>mạnh khai thác kinh doanh cho thuê mặt bằng kho, bãi ...</p>		<p>vực khai thác kinh doanh cho thuê mặt bằng kho, bãi ... Mặc dù vậy, công ty vẫn nỗ lực phấn đấu vượt khó và đạt được một số kết quả. Trong 2 năm, công ty đã ký đóng mới 2 tàu vỏ thép.</p>
Năm 2022	<p>Năm 2022 được coi là năm bản lề hậu Covid đối với Công ty, dù vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, toàn thể Ban Lãnh đạo và tập thể CB - CNV Công ty đã nỗ lực phấn đấu, quyết tâm vượt qua khó khăn, tập trung cho sản xuất kinh doanh năm 2022. Qua đó, Công ty đã đạt được nhiều kết quả khả quan trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động.</p> <p>Trong năm công ty ký kết được 06 hợp đồng hợp tác gia công đóng mới phần vỏ tàu phà chở khách cho các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long, hoàn thiện và hạ thủy thành công 03 vỏ tàu phà khách. Song song với công trình đóng mới tàu, công ty vẫn thực hiện tốt các công trình sửa chữa tàu thuyền, sà lan các loại và dịch vụ lên xuống triền các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ và kinh doanh dịch vụ cho thuê kho, bãi.</p>	Năm 2023	<p>Năm 2023-2025 tiếp tục là những năm có nhiều biến động và khó khăn, tình hình thế giới bất ổn bởi chiến tranh, cạnh tranh thương mại gay gắt ... tác động tiêu cực đến sự tăng trưởng kinh tế trong nước, tác động xấu đến sự tăng trưởng kinh tế trong nước nói chung và công ty nói riêng ... Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng các chỉ tiêu về tổng doanh thu, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế do ĐHĐCĐ đề ra đều đạt so với kế hoạch. Đây là thành công và thành quả rất đáng khích lệ của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể Người lao động Công ty trong năm vừa qua, cụ thể:</p> <p>Song song với công trình đóng mới tàu, công ty vẫn thực hiện tốt các công trình sửa chữa tàu thuyền, sà lan các loại và dịch vụ lên xuống triền các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ và kinh doanh dịch vụ cho thuê kho, bãi...</p>
		-	
		2024	
		-	
		2025	

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

2.1 Ngành nghề kinh doanh chính.

- Đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite và sản xuất các sản phẩm composite;
- Kinh doanh kho hàng, bến bãi; Kinh doanh dịch vụ cầu cảng;

2.2 Địa bàn kinh doanh.

- Địa chỉ: Số 244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh.
- Tel: 028.38729751 - 028.38752422 Fax: 028.38729749

SẢN PHẨM ĐÓNG TÀU



Tàu tuần tra, kiểm ngư



Tàu du lịch, tàu khách



Tàu vỏ thép

SẢN PHẨM MÁY MÓC



Máy xăng Máy cắt cỏ Máy bơm nước



Máy phát điện



Đầu nén



Máy phun thuốc

SẢN PHẨM COMPOSITE



Thùng rác



Xuồng máy



Cano Composite cao tốc

MỘT SỐ DỊCH VỤ KHÁC



Dịch vụ cầu cảng



Dịch vụ kho bãi



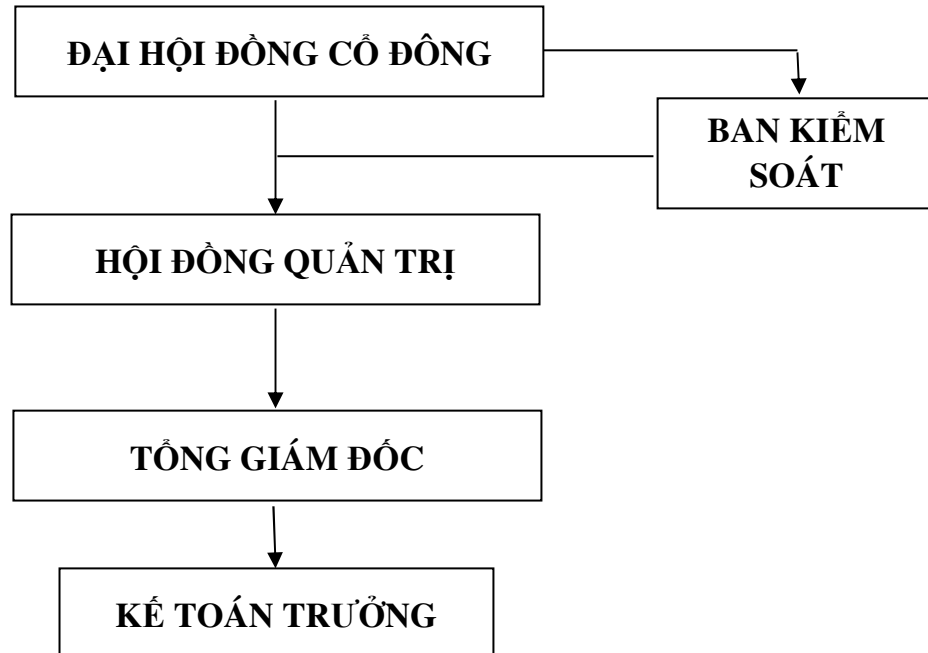
Dịch vụ lên xuống xà lan



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

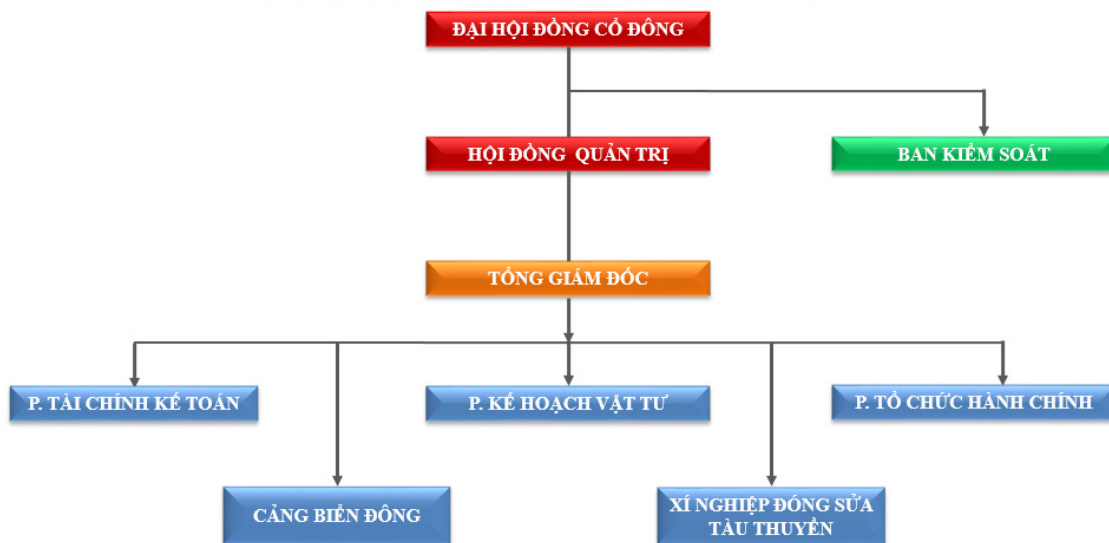
3.1 Mô hình quản trị:

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 03 thành viên. Hội đồng quản trị công ty gồm 05 người, trong đó có 01 ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Ban lãnh đạo công ty gồm: 01 Tổng giám đốc và 01 Kế Toán trưởng.



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



+ Xí nghiệp đóng sửa tàu thuyền: đóng mới và sửa chữa các loại tàu du lịch, tàu kiểm ngư, tàu đánh cá, tàu chở hàng, cano, phà, các phương tiện nổi bằng vật liệu composite, thép.

+ Cảng Biên Đông: cung ứng các dịch vụ bốc xếp, giao nhận, dịch vụ kho bãi, cung cấp dầu, điện nước phục vụ cho tàu cập cảng.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Thông qua việc cung cấp những sản phẩm và dịch vụ đa dạng với chất lượng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng mục tiêu, Công ty sẽ hoạt động và sử dụng vốn có hiệu quả ; tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động trong doanh nghiệp; làm tròn nghĩa vụ với nhà nước và xã hội, cụ thể:

- Duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hệ thống tài chính nhân sự.
- Nâng cao năng lực sản xuất bao gồm vấn đề cơ sở vật chất và nguồn nhân lực.
- Phát triển theo tiêu chí tăng trưởng bền vững, tập trung vào các lĩnh vực hoạt động chính.
- Tìm kiếm đối tác, mở rộng thị phần Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tập trung hoạt động vào các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Công ty như đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ kho bãi, xếp dỡ hàng hóa qua cảng.
- Tiếp tục bán, thanh lý tài sản không cần thiết để trả nợ.
- Làm việc với Ngân hàng để tái cơ cấu lại nợ.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Hoạt động của công ty phải phù hợp với tiêu chí về bảo vệ môi trường, đảm bảo người lao động làm việc trong môi trường tốt nhất.
- Tạo công việc làm ổn định, đảm bảo lương tối thiểu vùng và thực hiện đầy đủ các chế độ lao động cho người lao động.

5. Các rủi ro.

- Rủi ro lãi suất: Công ty hiện đang có tỷ trọng nợ cao hơn so với vốn chủ sở hữu. Do đó biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí hoạt động của Công ty, làm ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận.
- Rủi ro đặc thù: Ngành đóng mới và sửa chữa tàu thuyền là một trong những ngành công nghiệp đòi hỏi kỹ thuật cao. Quy trình sản xuất phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật của Cục đăng kiểm và các qui định hiện hành trong ngành cơ khí tàu thuyền. Do vậy, bất cứ công đoạn sản xuất nào không tuân thủ các qui định này đều gây ra những thiệt hại đáng kể cho Công ty.

Hiện nay, để nâng cao chất lượng, uy tín trong các sản phẩm, dịch vụ mà Seameco cung cấp tới khách hàng thì các công đoạn sản xuất kinh doanh chính của Seameco (từ thiết kế, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, lắp ráp máy phát điện, máy bơm, kinh doanh vật tư hàng hóa, đến cung cấp dịch vụ cảng) đều tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn qui định trong hệ thống quản lý chất lượng.

- Rủi ro tín dụng: Tính đến thời điểm hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều công nợ phải thu tồn đọng chủ yếu từ Công ty cổ phần Aquafeed Cửu Long, Công ty cổ phần Biển Tây,... Các đối tác hiện đang gặp khó khăn về tài chính, mất khả năng

thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, Công ty đang gặp rủi ro tổn thất tài chính. Hiện nay, Công ty đã trích lập hầu hết các khoản dự phòng công nợ tồn đọng chưa thu hồi được của các khoản nợ trên.

- Rủi ro khác: Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu, linh kiện, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, kinh tế, xã hội trong nước và trên thế giới làm cho thị trường bị giảm sút và các thị trường tiềm năng mất ổn định. Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1 Những khó khăn và thuận lợi.

Năm 2025, kinh tế thế giới trong giai đoạn suy thoái, bất ổn bởi chiến tranh, cạnh tranh thương mại, biến đổi khí hậu... tác động mạnh tiêu cực đến sự tăng trưởng kinh tế trong nước và khó khăn cho tất cả các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngành công nghiệp đóng tàu trên cả nước nói chung và Công ty nói riêng đều phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, tiềm ẩn nhiều rủi ro cùng với áp lực cạnh tranh trong nước ngày càng gay gắt.

Trong bối cảnh tình hình chung đó, Công ty còn có những khó khăn, thuận lợi đặc thù ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động trong năm. Trong đó có các khó khăn, như:

Tình hình tài chính công ty do bị ảnh hưởng của hàng hóa tồn kho và công nợ của các năm trước để lại quá lớn nên ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thuế đất tăng cao đột biến trong năm do thành phố áp dụng theo chu kỳ tăng mới. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện nguồn vốn lưu động hạn hẹp, chủ yếu nhờ vào tiền tạm ứng và vốn thanh toán của các chủ đầu tư và tiền đặt cọc ứng trước của các khách hàng thuê kho bãi. Bên cạnh đó, Công ty liên tục phải tiếp, xử lý những yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước đến kiểm tra ...

Tuy vậy, Công ty cũng có những thuận lợi:

Với lợi thế của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực cơ khí tàu thuyền trong 40 năm qua, công ty đã có kinh nghiệm nhất định để tiếp thị, tư vấn, đóng mới và sửa chữa các mẫu tàu - phà khách, tàu cá, sà lan, tàu công tác các loại, ...

Với mặt bằng sẵn có, Công ty tận dụng tối đa cơ sở vật chất, hạ tầng sẵn có, vừa kết hợp sản xuất đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, gia công cơ khí với các hình thức kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng, cầu cảng, nhằm gia tăng doanh thu cho Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty trong nhiệm kỳ luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, quyết sách đúng đắn nhằm định hướng và chỉ đạo kịp thời, cùng Ban Tổng Giám đốc tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh.

Tập thể người lao động trong Công ty luôn đoàn kết, vượt khó, chủ động, tích cực tìm kiếm các hợp đồng đóng mới, sửa chữa tàu, dịch vụ đưa du thuyền lên đà đăng kiểm định kỳ, neo đậu sửa chữa, thuê kho bãi ... tập trung cho sản xuất kinh doanh năm 2025. Qua đó, Công ty đã đạt được nhiều kết quả khả quan trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động.

1.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025.

Năm 2025, Công ty đã đạt được một số chỉ tiêu chính như sau:

TT	KHOẢN MỤC	ĐVT	Kế hoạch ĐHĐCĐ giao năm 2025	Thực hiện 2025	SS% TH/KH
I	TỔNG DOANH THU (1+2)	Tỷ đồng	20,720	24,341	117%
1	Doanh thu sản xuất và KDDV		20,720	24,319	117%
1.1	Doanh thu đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, lên xuống triền đà...	Tỷ đồng	5,000	7,383	147,7%
1.2	Doanh thu kinh doanh, dịch vụ	Tỷ đồng	15,720	16,936	107,7%
a)	<i>Doanh thu KD cho thuê cầu cảng</i>	“	<i>0,870</i>	<i>0,870</i>	<i>100%</i>
b)	<i>Doanh thu KDDV cho thuê kho, bãi...</i>	“	<i>14,850</i>	<i>16,066</i>	<i>108%</i>
2	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	-	0,022	-
II	TỔNG CHI PHÍ	Tỷ đồng	17,720	17,891	101%
	Trong đó: Chi phí lãi vay ngân hàng	“	0,600	0,612	102%
III	LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG SX – KDDV	Tỷ đồng	3,000	6,450	215%
IV	THU NHẬP KHÁC (<i>thu nhập từ tiền thuế đất năm 2024 được giảm</i>)	Tỷ đồng		1,005	
V	CHI PHÍ KHÁC	Tỷ đồng		0,000614	
VI	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	3,000	7,455	248%
VII	Chi phí thuế TNDN (20%)	“	0,600	1,404	234%
VIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tỷ đồng	2,400	6,051	252%

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1 Danh sách Ban điều hành.

2.1.1 Tổng giám đốc:

Ông TRƯƠNG TÙNG HÙNG – Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc. Thời gian điều hành Công ty từ ngày 15/7/2018 đến nay theo Quyết định bổ nhiệm số 191/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 09/7/2018 và Quyết định bổ nhiệm số 76/QĐ-CNTS-HĐQT ngày 04/7/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty)

- Năm sinh: 04/08/1973

- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.

- Số cổ phần nắm giữ riêng 16.000 CP

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.39%

- Quá trình công tác:

+ Năm 1997 – năm 1999: Nhân viên Phòng vỏ tàu Công ty TNHH tàu biển HyunDai – Vinashin.

+ Năm 1999 – năm 2001: NV KD Trung tâm Máy Cty Cơ khí Thủy Sản 3.

+ Năm 2001 – năm 2004: NV Phòng Kế hoạch Cty Cơ khí Thủy Sản 3.

+ Năm 2004 – năm 2006: NV kỹ thuật Xưởng cơ khí Cty CN Thủy Sản.

+ Năm 2006 – năm 2007: Phó quản đốc Xưởng cơ khí – Cty CN Thủy Sản.

- + Năm 2007– năm 2008: Phó Giám đốc XN đóng tàu Cty CP CN Thủy Sản.
- + Năm 2008– năm 2009: Giám đốc XN đóng tàu Cty CP CN Thủy sản.
- + Năm 2009 – tháng 05/2012: Phó Tổng Giám đốc Cty CP CN Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.
- + Tháng 05/2012 – tháng 5/2014: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.
- + Từ tháng 06/2014 đến ngày 14/7/2018 : Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- + Từ ngày 15/7/2018 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

2.1.2 Kế toán trưởng.

Ông Vũ Văn Công – thời gian điều hành KTT Công ty từ ngày 01/4/2020 theo Quyết định số 37/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 31/3/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty đến nay.

- Năm sinh : 06/06/1980
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán.
- Số cổ phần nắm giữ: 0
- Tỷ lệ sở hữu có quyền biểu quyết: 0%
- Quá trình công tác :
- + Năm 2004 – năm 2012: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Pha Lê C&C.
- + Năm 2012 – năm 2017: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Dệt GR Vina.
- + Năm 2017 – năm 2018: Nhân viên kế toán Công ty TNHH SX HTD Bình Tiên.
- + Từ T.8/2018 – năm 2019: Nhân viên kế toán Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.
- + Từ T.9/2019 – T.4/2020: Phó phòng TCKT Công ty CP Công nghiệp Thủy sản
- + Từ tháng 01/04/2020 – đến nay : Kế Toán trưởng - Công ty CP Công Nghiệp Thủy sản.

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2025: Không

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2025:

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Thu nhập người lao động		
		Năm	Đơn vị	Thu nhập bình quân NLD
Theo phòng ban – bộ phận		2025	Đồng/người/tháng	7.500.000
1. Ban Tổng Giám Đốc	01			
2. Phòng Tài chính Kế toán	03			
3. Phòng Tổ chức hành chính	14	Phân loại theo trình độ lao động		Số lượng
4. Phòng kế hoạch – Vật tư	03			(người)
5. Xí nghiệp ĐSTT	16	Đại học, trên đại học		11
+ VP Xí nghiệp	04	Trung cấp		04
+ Công nhân sản xuất	11	Phổ thông		21
Tổng cộng	36	Tổng cộng		36

* Chính sách đối với người lao động.

- Với tình hình khó khăn hiện nay, công ty vẫn luôn chăm lo, quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần cho người lao động công ty.

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động với tất cả người lao động làm việc trong công ty. Đối với người lao động chính thức sẽ được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ. Công ty thực hiện nghiêm các chế độ, qui định của luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3.1 Các khoản đầu tư lớn: Không có

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính.

4.1 Tình hình tài chính.

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	% tăng, giảm TH 2025 so với TH 2024
1	Tổng tài sản	10.975.004.197	13.755.418.054	125%
2	Vốn chủ sở hữu	(78.999.462.357)	(72.947.942.489)	92%
3	Doanh thu thuần	19.887.809.695	24.319.474.038	122%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2.168.689.202	6.450.350.522	297%
5	Lợi nhuận khác	512.614.584	1.005.157.589	196%
6	Lợi nhuận trước thuế	2.681.303.786	7.455.508.111	278%
7	Lợi nhuận sau thuế	2.194.673.095	6.051.519.868	275%
8	Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	540	1.489	275%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,0309	0,0693
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,0178	0,0380
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	8,198	6,303
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	-1,139	-1,189
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,571	2,763
Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	Vòng	1,574	1,967
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	11%	25%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-3%	-8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	20%	44%
Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	11%	27%

Năm 2025, ngoài những khó khăn nội tại gánh nặng về tài chính do các năm trước để lại, Công ty còn chịu nhiều biến động khó khăn chung là các tác động xấu của nền kinh tế thế giới và trong nước ... ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên tất cả các lĩnh vực

đều khởi sắc, hoạt động ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. Trong năm Công ty đã nỗ lực cố gắng tìm kiếm khách hàng, duy trì sản xuất & kinh doanh để trả lương người lao động, các khoản chi phí SXKD và trả nợ tồn tại từ các năm trước để lại theo cam kết với các ngân hàng vay. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn bất hợp lý tạo ra nhiều khó khăn cho Công ty trong hoạt động SXKD. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1 Cổ phần.

- Tổng số cổ phần phát hành	: 4.200.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành	: 4.064.700 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ	: 135.300 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu đang lưu hành	: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu

5.2 Cơ cấu cổ đông (theo báo cáo danh sách chốt cổ đông đến ngày 16/3/2026).

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ/ Tổng số CP
Cổ đông trong nước	130	4.200.000	100%
Cổ đông nước ngoài	0	0	
Tổng cộng	130	4.200.000	100%
Cổ đông lớn (≥5%)	4	3.043.712	72,47%
Cổ đông nhỏ	126	1.156.288	27,53%
Tổng cộng	130	4.200.000	100%
Cổ đông tổ chức	7	2.649.695	63,09%
Cổ đông cá nhân	123	1.550.305	36,91%
Tổng cộng	130	4.200.000	100%
Cổ đông nhà nước	1	1.947.000	46,36%
Các cổ đông khác	129	2.253.000	53,64%
Tổng cộng	130	4.200.000	100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/Specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

TT	Thời gian	Hình thức tăng vốn/nguồn vốn	Vốn điều lệ (đồng)	Số lượng tăng, giảm (đồng)	Tỷ lệ % tăng (giảm)
1	12/02/2007	Vốn điều lệ ban đầu	22.000.000.000		
	Trong đó:	Vốn nhà nước (59% VDL)	12.980.000.000		
2	17/11/2008	Phát hành cổ phiếu	33.000.000.000	11.000.000.000	150%
	Trong đó	Vốn nhà nước (59% VDL)	19.470.000.000	6.490.000.000	150%

3	14/4/2010	Phát hành cổ phiếu bằng hình thức huy động vốn	42.000.000.000	9.000.000.000	127%
	<i>Trong đó</i>	Vốn nhà nước (59% VDL)	19.470.000.000	0	0%
4	15/6/2011	Giữ nguyên VDL	42.000.000.000	0	0%
	<i>Trong đó</i>	Vốn nhà nước giảm (46,36% VDL)	19.470.000.000	0	0%

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*:

Hiện tại, Công ty đang nắm giữ 135.300 cổ phiếu quỹ và không có giao dịch.

5.5 Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues*: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty/Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1 Tác động lên môi trường: Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission*.

Công ty chưa có các giải pháp để đo kiểm soát phát thải nhà kính trực tiếp và gián tiếp lên môi trường cũng như các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

Tuy nhiên, bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra công ăn việc làm cho người lao động, Công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường xung quanh Công ty và trong khu vực.

Ý thức được vấn đề đó, Công ty có những biện pháp để bảo vệ môi trường như: trang bị các thùng để chứa rác thải công nghiệp sau khi đã phân loại, thu gom chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Vận chuyển, thu gom và xử lý chất thải nguy hại tuân thủ đúng các quy định về vận chuyển xử lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường.

Công ty ký hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải với Công ty TNHH MTV DV Công ích Quận 7 và Công ty CP Môi trường Việt Úc đến thu gom rác thải sinh hoạt và rác thải nguy hại như: giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ công nghiệp, bao bì cứng thải, bóng đèn

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhằm giảm giá vốn và hạn chế chi phí xử lý.

Nguyên liệu dùng để tái chế sử dụng cho các sản phẩm chính của Công ty: Không

6.3 Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện. Lắp đặt thêm các đồng hồ đo điện ở từng bộ phận và các khu vực sản xuất chung; thống kê số lượng tiêu thụ điện năng hàng tháng để có cơ sở so sánh, đánh giá, thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp tránh lãng phí tiêu hao năng lượng, tài nguyên.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/*Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.* Sản lượng nước tiêu thụ trong năm 2025: 7.775 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused:* Không

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection: Tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, phổ biến các quy định đến người lao động công ty để nắm bắt và thực hiện.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật lao động, mua bảo hiểm xã hội, BHYT, BNTN, BHTNLĐ cho người lao động. Người lao động của công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia các hoạt động công đoàn ...

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/Report on responsibility for local community. Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service*

Công ty tích cực tham gia hưởng ứng và hỗ trợ các hoạt động của chính quyền địa phương nhân dịp tết nguyên đán, quỹ vì người nghèo, ủng hộ phòng chống thiên tai ...

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the SSC*.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.

1.1 Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Năm 2025, tập thể Công ty luôn phấn đấu cố gắng để hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra cụ thể:

a) Sản xuất đóng mới và sửa tàu thuyền: Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành quyết toán đợt 01 các công trình đóng mới vỏ phà khách, với tổng giá trị khoảng 3,8 tỷ đồng, đóng góp đáng kể cho doanh thu SXKD đạt chỉ tiêu. Ngoài ra trong năm cũng thực hiện các công trình sửa chữa nhỏ với 21 hợp đồng sửa chữa tàu – sà lan, gia công cơ khí, dịch vụ du thuyền lên đà đăng kiểm định kỳ, dịch vụ neo đậu sửa chữa và gia công các sản phẩm FRP khác.

b) Kinh doanh cầu cảng, kho, bãi và dịch vụ:

b.1) Kinh doanh cho thuê kho, bãi và dịch vụ: Trong năm 2025, việc cho thuê kho bãi tương đối ổn định, diện tích thuê kho đạt khoảng 98% công suất trong các tháng cuối năm, với 36 hợp đồng thuê kho – bãi. Bộ phận kinh doanh đang cố gắng tìm khách thuê ổn định kho B8 (Kho vật tư của trước đây của Công ty). Kết quả cả năm doanh thu cho thuê kho, bãi đạt vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đề ra.

b.2) Kinh doanh dịch vụ cầu cảng:

Cầu cảng 1, hiện Công ty đang khai thác làm dịch vụ neo đậu các tàu khách, du lịch cỡ nhỏ.

Cầu cảng 2, hiện Công ty TNHH TM & SX dầu thực vật Minh Huê đang thuê ổn định. Trong năm 2025, Công ty tiến hành lập quy trình bảo trì, khảo sát đo sâu khu nước trước cầu cảng, ra thông báo hàng hải và kiểm định định kỳ cầu số 2 - bến cảng Biển Đông theo thông tư 52/2017/TT-BGTVT, ngày 29/12/2017 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải và được duy trì bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên theo quy định.

c) Tổng doanh thu: Doanh thu trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025: 24,339 tỷ đồng đạt 117,5% kế hoạch, bằng 122,4% so với năm 2024, bao gồm:

c.1) Doanh thu đóng mới tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, lên triền: 7,383 tỷ đồng đạt 147,7% KH, bằng 171,7% so với năm 2024.

Nguyên nhân: Bộ phận sản xuất đã hoàn thành 02 hợp đồng đóng mới phà khách cho Công ty TNHH DV TM Hàng hải Hải Phúc theo tiến độ đã cam kết, đồng thời duy trì hợp tác với các khách hàng truyền thống như: Công ty TNHH DV TM Hàng hải Phú Thịnh, Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn – XN Lai dất tàu biển, Công ty TNHH TM & SX Dầu thực vật Minh Huê, Công ty TNHH Du thuyền Châu Á, Công ty TNHH Du thuyền Tam Sơn, ... để có các thêm các hợp đồng thi công phương tiện thủy khác. Doanh thu trong lĩnh vực sản xuất vượt kế hoạch đề ra.

c.2) *Doanh thu kinh doanh dịch vụ kho bãi, và cho thuê cầu cảng*: 16,936 tỷ đồng, đạt 107,7% KH, bằng 108,7% so với năm 2024.

Nguyên nhân tăng: Tình hình khai thác kho bãi trong năm ổn định, những tháng cuối năm Công ty đã tận dụng khai thác tối đa bãi trước cầu cảng 2 để chứa nhựa đường cho Công ty Singa. Cảng 1 tiếp tục sử dụng làm dịch vụ neo đậu các tàu khách, du lịch cỡ nhỏ, ... để bù vào doanh thu kinh doanh dịch vụ đạt vượt kế hoạch và cùng kỳ năm trước.

d) *Tổng chi phí*: 17,891 tỷ đồng, bằng 101,0% so với KH và bằng 101% so với cùng kỳ năm 2024.

e) *Lợi nhuận thuần SXKD*: 6,450 tỷ đồng, bằng 215% so với KH và bằng 297% so với cùng kỳ năm 2024.

Nguyên nhân tăng: Các hoạt động SXKD của Công ty đều vượt kế hoạch và Nhà nước có chính sách giảm thuế đất trong năm 2025.

f) *Lợi nhuận trước thuế*: 7,455 tỷ đồng.

g) *Lợi nhuận sau thuế TNDN*: 6,051 tỷ đồng (*Chi phí thuế TNDN*: 1,404 tỷ đồng).

1.2 Đánh giá về hoạt động tài chính:

Ngoài hoạt động đảm bảo cân đối nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, Công ty tiếp tục xử lý các tồn tại về tài chính từ các năm trước để lại.

Các tồn tại về tài chính nhất là công nợ khó đòi tuy đã được Công ty xử lý trích dự phòng nhưng vẫn làm ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Công ty về sự mất cân đối nguồn vốn, khả năng thanh toán thấp,... mặc dù các năm gần đây tình hình tài chính của công ty đã có cải thiện rõ rệt.

Công ty vẫn đang chỉ đạo các Phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biên Đông có liên quan đàm phán với khách hàng nợ, tìm biện pháp để thu hồi công nợ, nhằm tránh các thiệt hại cho Công ty.

Các khoản nợ phải trả, chủ yếu là nợ ngân hàng NN&PTNT, ngân hàng Công thương CN1 và nợ Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam. Đây là các khoản nợ tồn tại từ các năm trước để lại.

1.3 Thực hiện các công việc khác: Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện được một số công việc sau:

- Kiểm định cầu cảng Biên Đông 2, đo độ sâu, ra thông báo hàng hải khu nước trước bến theo thông tư 52/2017/TT-BGTVT, ngày 29/12/2017 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.

- Đánh giá ANCB định kỳ hàng năm theo Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển.

- Bảo trì, sửa chữa cầu cảng số 2 định kỳ theo thông tư 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải và quy trình bảo trì cầu cảng số 2 cảng Biên Đông lập tháng 7/2024.
- Bảo dưỡng, sửa chữa cầu Trắng theo kết quả kiểm định.
- Tiếp tục làm thủ tục gia hạn thời gian thuê khu đất 13.000 m2 theo quy định.

1.4 Về công tác tổ chức cán bộ:

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, trong năm Công ty chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biên Đông của Công ty vẫn phối hợp tương đối nhịp nhàng trong công việc.

Bố trí sắp xếp lại nhân sự để đảm bảo, phù hợp cho sản xuất.

1.5 Về công tác điều hành của Ban giám đốc:

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, trong năm Ban giám đốc đã triển khai thực hiện một số công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy để quản lý hiệu quả hơn.
- Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty, ...
- Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.
- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra.

*** Đánh giá chung:** Năm 2025 tiếp tục là năm có nhiều biến động, hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ kho, bãi, cầu cảng nhìn chung còn nhiều khó khăn đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất bởi các nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đạt cao, như:

Mô hình quản trị doanh nghiệp của Công ty còn nhiều hạn chế, Công ty cũng tiếp tục nghiên cứu cải tiến trong quản lý, thi công để tăng năng suất lao động trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ, ... cố gắng đáp ứng các nhu cầu của khách hàng trong thời gian vừa qua.

Công ty vẫn có các yếu tố rủi ro ảnh hưởng làm giảm hiệu quả kinh doanh như: Máy móc, công cụ, thiết bị cũ, lạc hậu; mặt bằng kho, bãi, nhà xưởng xuống cấp nhiều do thời gian sử dụng đã lâu, hàng hóa cũ tồn kho lạc hậu nhiều chưa thanh lý được và gánh nặng các khoản chi phí như phí trả nợ ngân hàng....

Tuy nhiên, công ty đã cố gắng vượt khó khăn phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ đề ra trong năm. Các chỉ tiêu về doanh thu, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2025 đều vượt so với kế hoạch. Đây là thành quả đáng khích lệ của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể Người lao động của Công ty.

2. Tình hình tài chính.

2.1 Tình hình tài sản.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	So sánh %
----------	----------	----------	-----------

	(đồng)	(đồng)	2025/2024
TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.764.595.270	6.015.253.676	217%
Tiền & các khoản tương đương tiền	653.053.080	2.527.481.882	387%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	938.165.171	769.223.996	82%
Hàng tồn kho	613.955.330	808.123.332	132%
Tài sản ngắn hạn khác	559.421.689	1.910.424.466	341%
TÀI SẢN DÀI HẠN	8.210.408.927	7.740.164.378	94%
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tài sản cố định	3.293.121.015	2.773.099.594	84%
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	4.889.250.613	4.889.250.613	100%
Tài sản dài hạn khác	28.037.299	77.814.171	275%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	10.975.004.197	13.755.418.054	125%

Nhận xét:

Năm 2025 so với năm 2024, tổng tài sản của doanh nghiệp tăng 2.780.413.857 đồng, tương ứng tốc độ tăng 25%. Đi sâu vào từng bộ phận ta thấy:

- Tài sản ngắn hạn tăng 3.250.658.406 đồng, tương ứng tỷ trọng tăng 117% so với năm 2024, trong đó:

+ Tiền & các khoản tương đương tiền tăng 1.874.428.802 đồng, tương ứng tỷ trọng tăng 287% so với năm 2024, nguyên nhân tăng do trong năm công ty hoàn thành quyết toán đóng mới 02 phà khách.

+ Hàng tồn kho tăng 194.168.002 đồng, tương ứng tỷ trọng tăng 32% so với năm trước, do Công ty không có dự trữ nguyên nhiên vật liệu hàng hóa sản xuất trong năm. Trong đó giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ chưa thanh lý tại thời điểm lập báo cáo là: 3,674 tỷ đồng (chiếm 90% hàng tồn kho). Trong đó, Công ty đã lập giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho 31/12/2025, số tiền: 3,556 tỷ đồng.

⇒ do chỉ tiêu tiền & các khoản tương đương tiền tăng nhiều hơn các chỉ tiêu tăng, nên xét chung tổng tỷ trọng tài sản ngắn hạn năm 2025 tăng 117% so với năm 2024.

- Tài sản dài hạn giảm 470.244.549 đồng, tương ứng tỷ trọng giảm 6% so với năm 2024, là do trong năm công ty hầu như không có đầu tư thêm tài sản cố định, giá trị còn lại giảm là do doanh nghiệp trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản dài hạn khác giảm so với năm 2024 vì trong năm các khoản chi phí trả trước như chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ chờ phân bổ, các khoản chi phí khác ít hơn năm trước...

Kết luận: Cơ cấu tài sản của doanh nghiệp có xu hướng dịch chuyển tăng tài sản ngắn hạn và giảm tài sản dài hạn.

- Việc quản lý và trích khấu hao theo đúng qui định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Các khoản phải thu ngắn hạn đến 31/12/2025 là 769.223.996 đồng, giảm so với năm 2024 do trong năm Công ty quyết toán được từ khách hàng đóng tàu, thu nợ được các khoản phải thu ngắn hạn khác của khách hàng, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 119.697.959.169 đồng.

- Việc quản lý nợ phải thu theo đúng qui định quản lý nợ tại Nghị định và Thông tư

hướng dẫn của Bộ tài chính. Công ty theo dõi công nợ từng khách hàng, thường xuyên đơn đốc thu hồi nợ, đối với công nợ luân chuyển bình thường, các khách hàng đều xác nhận nợ đầy đủ. Đối với nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã xử lý, Công ty vẫn tiếp tục theo dõi.

2.2 Tình hình nợ phải trả

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% TH2025/2024
NỢ PHẢI TRẢ	89.974.466.554	86.703.360.543	96%
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>89.552.466.554</i>	<i>86.703.360.543</i>	<i>96%</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	3.407.399.593	3.379.269.593	99%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	134.225.200	1.285.200	
Thuế và các khoản phải nộp NN	654.534.807	1.417.268.765	216%
Phải trả người lao động	349.493.049	353.883.182	
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	
Phải trả ngắn hạn khác	72.006.813.904	71.551.653.803	99%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.000.000.000	10.000.000.000	77%
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>422.000.000</i>	<i>-</i>	
Phải trả dài hạn khác	422.000.000	-	
Vay và nợ dài hạn			
VỐN CHỦ SỞ HỮU	(78.999.462.357)	(72.947.942.489)	92%
TỔNG NGUỒN VỐN	10.975.004.197	13.755.418.054	125%

Các khoản lỗ lũy kế của Công ty trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán đến ngày 31/12/2025 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là: âm 72.947.942.489 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn (Mã số 310 – mã số 100) số tiền: 80.688.106.867 đồng. Hiện Công ty không có khả năng chi trả các khoản vay nợ cả gốc và lãi vay tài chính ngắn hạn quá hạn (*nợ gốc: 10.000.000.000 đồng và nợ lãi: 57.205.362.978 đồng*) với ngân hàng Agribank – CN Tp.HCM. Ngoài ra, còn phải trả các khoản nợ ngắn hạn khác quá hạn (*nợ lãi*) cho ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt nam ... đến 31/12/2025: 69.065.362.978 đồng. Tổng nợ ngắn hạn: 86,703 tỷ đồng, chiếm 100% trong tổng nợ phải trả, nợ dài hạn: 0 %.

Đây là các khoản vay nợ xấu phát sinh từ các năm trước để lại (năm 2011, 2012) đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn vốn của Công ty và kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của đơn vị.

Hiện Công ty đang quản lý nợ phải thu, phải trả theo từng đối tượng, đúng qui định, các đơn vị thực hiện đối chiếu số dư nợ cuối năm.

Kết luận: Như đã nhận xét đánh giá tại phần tình hình tài sản, các khoản nợ xấu đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình nguồn vốn của Công ty như sau: mất khả năng chi trả các khoản nợ vay ngắn hạn, dài hạn và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác; Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2025, âm 72,947 tỷ đồng; Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu (D/E): âm 1,188 lần làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

Các năm gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn được duy trì liên tục là nhờ kết quả sản xuất kinh doanh trong năm và nguồn vốn lưu động ứng trước từ khách hàng.

* **Ảnh hưởng của tỷ giá đến hoạt động của Công ty:** Năm 2025 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ liên quan đến tiền đồng Việt Nam nên kết quả kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng của tỷ giá.

* **Ảnh hưởng của lãi suất đến hoạt động của Công ty:** Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 bị ảnh hưởng bởi lãi suất vay, chi phí trả nợ vay ngân hàng do phải gánh chịu các khoản chi phí nợ + lãi phát sinh lớn từ các năm trước để lại mà không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của năm. Theo báo cáo tài chính kiểm toán, chi phí lãi vay phải trả năm 2025 là 612 triệu đồng và các khoản trả nợ gốc + lãi vay trong năm theo văn bản cam kết trả nợ với các ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

3.1 Về công tác tổ chức cán bộ:

- Về tổ chức: Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, trong năm Công ty chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban hành một số Văn bản quy định về nội quy, quy trình sản xuất, các Quyết định, Quy chế quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

- Về nhân sự: Năm 2025, nhân sự Công ty ổn định.

3.2 Công tác điều hành của Ban giám đốc.

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, trong năm Ban giám đốc đã triển khai thực hiện một số công việc chủ yếu sau:

- Chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

- Ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, các bộ phận. Triển khai thực hiện Quy chế lương và phân phối thu nhập, Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ....

- Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty...;

- Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra;

4. Kế hoạch phát triển Công ty trong tương lai.

- Phát triển Công ty trên cả 03 lĩnh vực là: cơ khí đóng tàu, kinh doanh dịch vụ cầu cảng, kinh doanh mặt bằng, kho hàng, bến bãi. Trong đó trọng tâm là cơ khí đóng tàu, mở rộng mặt hàng sản xuất; củng cố sắp xếp bố trí khai thác kinh doanh kho bãi, mặt bằng, cầu cảng hợp lý để tăng doanh thu, việc làm và hiệu quả, đạt kế hoạch đề ra mức cao nhất. Tăng cường hợp tác mọi mặt đưa Công ty phát triển bền vững.

- Chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty đảm bảo hiệu quả kinh tế, quản trị rủi ro và bảo toàn vốn đồng thời chấp hành nghiêm chỉnh chế độ, chính sách của Pháp luật hiện hành.
- Bổ sung và hoàn thiện bộ máy lãnh đạo các đơn vị, phòng ban; ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban điều hành.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức và tổ chức sản xuất Xưởng đóng tàu trên nguyên tắc tinh gọn và hiệu quả.
- Bố trí hợp lý lực lượng lao động, sử dụng Quỹ tiền lương một cách hợp lý để thu hút lao động có trình độ, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Giữ vững củng cố và phát triển quan hệ với các nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài.
- Luôn luôn giữ uy tín về chất lượng sản phẩm, mẫu mã, tiến độ sản xuất, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu khách hàng. Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cùng ngành nghề và tất cả bạn hàng.
- Tạo điều kiện để người lao động, người có cổ phần trong Công ty được làm chủ Công ty thực sự, thúc đẩy hình thành phương thức quản lý tiên tiến tạo thêm động lực thúc đẩy Công ty làm ăn có hiệu quả, tạo việc làm ổn định, đảm bảo thu nhập cho người lao động cũng như hài hòa lợi ích cổ đông và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.
- Tận dụng và khai thác tiềm năng của Công ty, khai thác sử dụng mặt bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị, không ngừng nâng cao hiệu quả lấy hiệu quả kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm.
- Thực hiện quy chế dân chủ, chấp hành nghiêm các chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước.

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

5.1 Dự báo về thị trường.

a) Các chỉ tiêu phấn đấu.

- Cơ khí đóng sửa tàu thuyền: Công ty tiếp tục đẩy mạnh khâu tiếp thị và tìm kiếm khách hàng lên đà sửa chữa nhỏ các loại tàu, sà lan và dịch vụ lên xuống triền các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ.
- Tiếp tục lập hồ sơ công nhận cơ sở đủ điều kiện sửa chữa, đóng mới tàu biển loại nhỏ.
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, kho, bãi, cầu cảng: Năm 2026, tiếp tục duy trì và ổn định những khách hàng đã và đang thuê đồng thời Công ty sẽ cố gắng tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh tốt hơn để bù đắp doanh thu và cố gắng tận dụng mặt bằng hiện có để tăng diện tích mặt bằng nhà kho cho thuê.

b) Xác định mục tiêu kế hoạch.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính Công ty của năm 2025 và dự báo thị trường trong thời gian sắp tới Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn ở trong tất cả các lĩnh vực hoạt động SXKD, đặc biệt trong năm 2026 sẽ thiếu hụt nguồn tiền để trả thuế đất, ngân hàng ... theo cam kết của công ty.

Dự đoán trong thời gian tới, tình hình kinh tế chính trị - xã hội trên thế giới cũng như trong nước sẽ còn diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế trong nước cũng như có nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD ở các lĩnh vực của Công ty trong năm nay. Do vậy Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, như sau:

c) Các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

TT	Chỉ tiêu tài chính	Đvt	Kế hoạch năm 2026
I	TỔNG DOANH THU		22,440
1	Doanh thu đóng mới, sửa chữa tàu, gia công cơ khí, lên triền, ...	Tỷ đồng	5,500
2	Doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, bến bãi, cầu cảng, dịch vụ điện nước, ...	Tỷ đồng	16,940
2.1	<i>Dịch vụ cho thuê khai thác cầu cảng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>0,960</i>
2.2	<i>Dịch vụ thuê kho, bãi, bốc xếp, ...</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>15,980</i>
II	TỔNG CHI PHÍ	Tỷ đồng	17,940
1	Giá vốn hàng bán (không gồm CP lương)	Tỷ đồng	9,685
2	Chi phí lương	Tỷ đồng	6,285
3	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	0,300
4	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	1,170
5	Chi phí tài chính (lãi vay)	Tỷ đồng	0,500
III	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	4,500
	Thuế thu nhập doanh nghiệp 20%	Tỷ đồng	0,900
IV	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tỷ đồng	3,600

d) Các chỉ tiêu khác:

- Đảm bảo an toàn lao động, an ninh trật tự, an toàn xã hội, không để xảy ra cháy nổ, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động, ngăn ngừa và phòng chống tệ nạn xã hội, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, làm thất thoát tài sản, xây dựng nếp sống văn minh lịch thiệp, không có người vi phạm kỷ luật.
- Thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN, hưu trí, ốm đau, thai sản cho người lao động, giữ gìn cảnh quan môi trường luôn sạch đẹp, duy trì và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ CNVC toàn Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính về công nợ, hàng tồn kho, quản trị rủi ro đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.
- Thực hiện và triển khai sản xuất theo chỉ đạo của HĐQT.

5.2 Các giải pháp thực hiện:

- Chú trọng phát triển yếu tố con người trong sản xuất kinh doanh, nghiên cứu xây dựng phương án, giải pháp, sáng kiến nhằm cải tiến trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí. Theo đó phát huy thế mạnh, tạo vị thế nhất định, nâng cao thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền nói chung, đặc biệt là đóng, sửa tàu thuyền phục vụ cho Ngành thủy sản. Khai thác có hiệu quả nhất các nguồn lực và tài sản hiện có.
- Áp dụng các quy chế chi tiêu nội bộ và tiền lương, thưởng hợp lý để thu hút lao động có trình độ cao, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giữ vững củng cố và phát triển quan hệ với các nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài.
- Bám sát và tiếp cận các cơ chế chính sách của Nhà nước về phát triển ngành thủy sản, ngành giao thông (biển, nội địa); đặc biệt là các chính sách trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền.

- Giữ uy tín về chất lượng sản phẩm, tiến độ sản xuất đảm bảo, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu khách hàng. Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cùng ngành nghề và tất cả các khách hàng trong và ngoài khu vực...

IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 trên tất cả các lĩnh vực không được nhiều thuận lợi, song Công ty luôn phấn đấu, cố gắng để cơ bản hoàn thành và vượt các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và so với cùng kỳ năm trước – năm 2024 như đã trình bày ở trên.

Công ty đã sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh trong khi nguồn vốn hạn hẹp gần như không có. Đây là thành quả đáng khích lệ của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của toàn Công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

2.1 Về tổ chức sản xuất kinh doanh:

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn như: các quy định, quy trình trong lĩnh vực đăng kiểm tàu đóng mới, sửa chữa ; các vấn đề về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, làm việc với các Cơ quan chức năng giải quyết các sự việc tồn đọng đã lâu, xử lý linh hoạt các khoản nợ vay đã quá hạn từ các năm trước với các tổ chức tín dụng để đảm bảo Công ty có nguồn vốn hoạt động liên tục trong tình hình rất khó khăn. Triển khai nghiêm túc các chủ trương từ HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đối với việc ra quyết định của HĐQT liên quan đến công tác điều hành, Ban điều hành luôn kịp thời đề xuất tham mưu.

Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc tiếp thu các ý kiến góp ý của cổ đông và BKS; tuân thủ và chấp hành tốt các chỉ đạo, định hướng chiến lược của HĐQT; đã tạo được môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, ổn định trong Công ty; sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy để quản lý hiệu quả hơn; tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, đặc biệt là đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các kho chứa hàng, bộ phận sản xuất, văn phòng, ...; thực hiện tốt công tác quản trị, sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong tình hình nguồn vốn lưu động hạn hẹp, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh

Trong công tác điều hành hoạt động hàng ngày, các Thành viên Ban điều hành thể hiện sự phối hợp chỉ đạo tốt, đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc vì mục đích chung đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty và thực hiện tốt chế độ báo cáo HĐQT kịp thời, đúng quy định

Các chỉ tiêu về doanh thu, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đều tăng so với kế hoạch do ĐHCĐ giao. Đây là thành quả đáng cố gắng và nỗ lực đóng góp của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên công ty, phấn đấu vượt khó, hoàn thành kế hoạch trong năm.

Tuy có hiệu quả về sản xuất kinh doanh nhưng thực tế, công ty không có nguồn tiền dự trữ, luôn thiếu nguồn vốn lưu động để duy trì sản xuất. Hiện việc duy trì sản xuất hoàn toàn phụ thuộc vào tiền ứng trả trước của hợp đồng thuê kho, bãi.

2.2 Về quản lý, sử dụng tài sản, tiền vốn phục vụ kinh doanh:

Về quản lý, sử dụng tài sản, tiền vốn phục vụ kinh doanh: Sử dụng có hiệu quả các tài sản của Công ty vào sản xuất kinh doanh, không để tài sản hư hỏng, thất thoát hoặc không được khai thác sử dụng. Tổ chức thanh lý các tài sản không cần dùng để thu hồi vốn kinh doanh. Chủ động tìm kiếm nguồn vốn lưu động không để sản xuất bị đình trệ vì thiếu vốn.

Thực hiện các cam kết của Công ty với các ngân hàng về thanh toán các khoản nợ xấu.

2.3 Về công tác tổ chức cán bộ: Tổ chức nhân sự của Công ty trong năm vẫn đảm bảo tính ổn định và liên tục. Trong năm Ban điều hành Công ty đã chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

Ban hành một số Văn bản quy định về nội quy, quy trình sản xuất, các Quyết định, Quy chế quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty....;

Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.

Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra;

Tổng quỹ lương NLD thực hiện năm 2025 là: **6,302 tỷ đồng**, bằng 106% KH và bằng 113% so với thực hiện năm 2024 (**5,537 tỷ đồng**). Lương bình quân người lao động đạt: 8.000.000 đồng/người/tháng.

2.4 Về thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và HĐQT: Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT theo đúng nghĩa vụ và quyền hạn. Thực hiện tốt chế độ báo cáo theo định kỳ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Tăng cường công tác quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty. Phối hợp cùng với Ban điều hành Công ty tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm phục vụ cho hoạt động của công ty mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất, xử lý các tồn đọng về tài chính, phấn đấu đạt kế hoạch năm 2025.
- Nghiên cứu xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty để phòng ngừa các rủi ro cho doanh nghiệp, đặc biệt là các rủi ro trong kinh doanh đóng tàu cho ngư dân.
- Phối hợp cùng với Ban Tổng giám đốc nghiên cứu và đề xuất Ngân hàng phương án trả nợ, cụ thể giảm lãi suất vay để giảm chi phí trả nợ vay ngân hàng.
- Tiếp tục rà soát và xây dựng các phương hướng sử dụng một cách có hiệu quả các tài sản của Công ty, xử lý hiệu quả các tài sản mà Công ty không có nhu cầu sử dụng.
- Phát huy và làm tốt hơn công tác thị trường đóng sửa tàu, tận dụng các cơ hội đóng sửa chữa tàu các khách hàng truyền thống và những khách hàng mới.
- Theo dõi, chỉ đạo việc thu hồi công nợ kiên quyết hơn đối với các khách hàng có khả năng thu hồi.

V/ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT).

1.1 Cơ cấu Hội đồng quản trị.

Cơ cấu HĐQT Công ty năm 2025, như sau:

Họ và tên	Chức vụ
1. Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT không điều hành – Đại diện phần vốn TCT Thủy sản Việt Nam – CTCP kể từ ngày 21/4/2023. Giữ chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty
2. Ông Đỗ Trung Chuyên	Thành viên HĐQT không điều hành kể từ ngày 21/4/2023 – Đại diện phần vốn TCT Thủy sản Việt Nam – CTCP.
3. Ông Trương Tùng Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 21/4/2023 – Đại diện phần vốn TCT Thủy sản Việt Nam – CTCP. Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết riêng nắm giữ: 0,39%
4. Ông Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành kể từ ngày 21/4/2023. Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết riêng nắm giữ : 1,128%
5. Ông Quách Tấn Hải	Thành viên HĐQT không điều hành kể từ ngày 21/4/2023. Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết riêng nắm giữ : 10,428%

1.2 Hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Năm 2025, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo đúng qui định của Điều lệ Công ty và ban hành các Nghị quyết của HĐQT nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và giải quyết một số vướng mắc trong quá trình hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

* Các cuộc họp và biên bản họp của HĐQT trong năm 2025:

- Cuộc họp số 1: Biên bản họp số 11/BB-CNTS-HĐQT ngày 19/02/2025 về việc thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông có quyền thực hiện quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua hình thức lấy phiếu ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản;
- Cuộc họp số 2: Biên bản số 24/BB-CNTS-HĐQT ngày 21/3/2025 về việc Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, BCTC 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2025; Chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ năm 2025 ...;
- Cuộc họp số 3: Biên bản họp số 86/BB-CNTS -HĐQT ngày 14/05/2025 về việc thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý 1/2025, BCTC Quý 1/2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 2/2025 của Tổng giám đốc công ty bằng hình thức lấy phiếu ý kiến bằng văn bản;
- Cuộc họp số 4: Biên bản số 114/BB-CNTS -HĐQT ngày 28/7/2025 về thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2025, BCTC 6T/2025 của Tổng giám đốc công ty; Bỏ nhiệm lại Kế toán trưởng công ty;
- Cuộc họp số 5: Biên bản số 137/BB-CNTS-HĐQT ngày 04/11/2025 về việc thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2025 và kế hoạch SXKD Q.4 năm 2025, Báo cáo tài chính 9 tháng 2025 của Tổng giám đốc Công ty; thông qua phê duyệt

đơn vị kiểm toán trên cơ sở đề xuất, lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Ban kiểm soát Công ty bằng hình thức lấy phiếu ý kiến bằng văn bản.

*** Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT năm 2025.**

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	12/NQ-CNTS-HĐQT	19/2/2025	Nghị quyết v/v thông qua ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng để thực hiện quyền bỏ phiếu biểu quyết tham dự ĐHĐCĐ năm 2025	100%
2	25/NQ-CNTS-HĐQT	21/3/2025	Nghị quyết v/v thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025; Báo cáo tài chính năm 2024; Lương NQL Công ty năm 2025; Chương trình, nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của công ty	100%
3	35/QĐ-CNTS-HĐQT	24/3/2025	Quyết định v/v phê duyệt Lương người quản lý công ty năm 2025	100%
4	87/QĐ-CNTS-HĐQT	14/5/2025	Nghị quyết v/v thông qua Báo cáo kết quả SXKD Q.1/2025 và kế hoạch SXKD Q.2/2025; Báo cáo tài chính Q.1/2025 của công ty	100%
5	115/NQ-CNTS-HĐQT	28/7/2025	Nghị quyết v/v thông qua Báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính 6 tháng/2025 và Phương hướng kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2025; Bổ nhiệm lại kế toán trưởng Công ty.	100%
6	116/QĐ-CNTS-HĐQT	28/7/2025	Quyết định v/v Bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với ông Vũ Văn Công	100%
7	138/NQ-CNTS-HĐQT	05/11/2025	Nghị quyết v/v thông qua Báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính 9 tháng/2025 và Phương hướng kế hoạch SXKD Quý 4 năm 2025; thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 của Cty	100%

*** Số lần tham dự họp của các thành viên HĐQT.**

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Ông Nguyễn Thành Trung	5/5	100%	
2	Ông Đỗ Trung Chuyên	4/5	80%	Đi công tác đột xuất có ủy quyền
3	Ông Nguyễn Tấn Dũng	5/5	100%	
4	Ông Trương Tùng Hưng	5/5	100%	
5	Ông Quách Tấn Hải	3/5	60%	Đi công tác có ủy quyền

1.3 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Các thành viên HĐQT không điều hành đã phối hợp với các Thành viên điều hành thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động SEAMECO, nhằm đưa ra những định hướng, chỉ đạo kịp thời các công tác và mọi mặt hoạt động của SEAMECO.

1.4 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát.

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát.

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ	Ghi chú
1. Ông Võ Quốc Việt			Thôi giữ chức Trưởng BKS từ ngày 15/4/2025
2. Bà Trần Thị Nguyệt Phụng	Giữ chức vụ Trưởng BKS Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 từ ngày 15/4/2025		Đại diện TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP
3. Ông Ngô Quốc Tùng	Thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028 từ ngày 15/4/2025		Đại diện TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP
4. Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa	Thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028 từ ngày 21/4/2023	1,89%	

2.2 Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2025.

- Thực hiện xem xét giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024, các Nghị quyết của HĐQT;
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng của Ban giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - Giám sát các hoạt động của Công ty để đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: Các công trình đóng & sửa chữa tàu, hoạt động khai thác dịch vụ cầu cảng & cho thuê kho bãi, chi phí lương, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí,...
 - Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
 - Trong năm 2025, BKS đã có 4 kỳ làm việc để kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là Quý 1/2025, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2025;
- Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

3.1.1 Tiền thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm.

T T	Họ tên	Chức vụ	Thù lao đồng/tháng	Cả năm (đồng)
1	Ô. Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023- 2025 (ngày 21/4/2023)	5.000.000	60.000.000
2	Ô. Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên HĐQT ngày 21/4/2023	3.000.000	36.000.000
3	Ô. Trương Tùng Hưng	Thành viên HĐQT ngày 21/4/2023	3.000.000	36.000.000
4	Ô. Đỗ Trung Chuyên	Thành viên HĐQT ngày 21/4/2023	3.000.000	36.000.000
5	Ô. Quách Tấn Hải	Thành viên HĐQT ngày 21/4/2023	3.000.000	36.000.000
	Tổng cộng			204.000.000

Bằng chữ: Hai trăm lẻ bốn triệu đồng chẵn.

3.1.2 Thù lao của Ban kiểm soát trong năm.

TT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao đồng/tháng	Cả năm (đồng)
1	Võ Quốc Việt	Trưởng BKS (miễn nhiệm từ ngày 15/4/2025)	3.000.000	10.500.000
2	Trần Thị Nguyệt Phụng	Thành viên BKS, Trưởng BKS từ ngày 15/4/2025	2.000.000 3.000.000	32.500.000
3	Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa	Thành viên BKS	2.000.000	24.000.000
4	Ngô Quốc Tùng	Thành viên BKS	2.000.000	17.000.000
	Tổng cộng			84.000.000

Trong năm không phát sinh thêm chi phí nào khác phục vụ cho hoạt động của BKS.

3.1.3 Lương, thưởng của Ban điều hành (Tổng giám đốc và kế toán trưởng).

T T	Họ tên	Chức vụ	Lương/đồng năm 2025	Thù lao/ năm	Tổng cộng năm 2025 (đồng)
1	Trương Tùng Hưng	Tổng Giám đốc	322.644.000		322.644.000
2	Vũ Văn Công	Kế toán trưởng	244.809.000		244.809.000
	Tổng cộng		567.453.000		567.803.000

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Tổng giá trị giao dịch (VND)	Ghi chú
1	Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP	Cổ đông lớn quản lý vốn nhà nước tại Công ty và có liên quan đến các ông/ bà sau: - Nguyễn Thành Trung– Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023- 2028: là Phó TGD TCT TSVN- CTCP; - Đỗ Trung Chuyên – TV HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 – Phó tổng giám đốc TCT TSVN- CTCP kiêm Giám đốc Chi nhánh Seaprodex Lâm Đồng thuộc TCT TSVN - TCP; - Trương Tùng Hưng – TV HĐQT kiêm TGD nhiệm kỳ 2023-2028: là người ĐD phần vốn của TCT TSVN - CTCP; - Trần Thị Nguyệt Phụng – Trưởng BKS nhiệm kỳ 2023- 2028: là chuyên viên Phòng	36.000.000	Bán hàng và cung cấp dịch vụ

		TCKT TCT TSVN – CTCP - Ngô Quốc Tùng – TV BKS nhiệm kỳ 2023-2028: là chuyên viên Phòng QLDMĐT	
--	--	--	--

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Công ty luôn tuân thủ các qui định về quản trị công ty dựa trên cơ sở của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán; các Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ tài chính về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

1. Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam - Địa chỉ: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Tp.Đà Nẵng là Công ty kiểm toán được Bộ Tài Chính và UBCKNN cấp phép (*Báo cáo đã được CBTT và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty <http://www.seameco.com.vn>*).

2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC năm: (*đính kèm BCTN 2025*)

Công văn giải trình của Công ty về các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty đã CBTT và được đăng tải trên website Công ty www.seameco.com.vn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Cung Hưng